

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TMT23B2
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Tin học văn phòng(3)	Kỹ năng mềm(2)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	An toàn vệ sinh công nghiệp(2)	Kỹ thuật đo lường(2)	Kiến trúc máy tính(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2354801024297	Phan Thị Thúy	An	23/01/2008	6.1	6.8	7.5	6.7	5.4	5.9	8.1	5.9	6.6	Trung bình
02	2354801024298	Huỳnh Công	Chính	19/09/2008	7.8	6.4	7.9	5.6	4.3	6.3	8.6	6.0	6.7	Trung bình
03	2354801024299	Lê Quang	Chính	25/05/2008	7.6	6.0	7.4	5.3	4.8	5.7	8.9	4.0	6.3	Trung bình
04	2354801024300	Lý Minh	Duy	07/08/2008	6.7	4.0	7.0	6.7	4.4	6.2	5.8	3.3	5.4	Trung bình
05	2354801024301	Nguyễn Quốc	Đại	20/04/2008	6.9	4.2	7.0	5.9	3.6	5.2	5.9	5.8	5.5	Trung bình
06	2354801024302	Ngô Trường	Giang	16/11/2008	6.8	6.0	7.4	5.3	3.3	5.6	7.4	5.6	6.0	Trung bình
07	2354801024303	Đỗ Thiện	Giàu	30/08/2008	6.3	7.0	7.5	4.4	5.1	5.1	7.9	4.4	6.2	Trung bình
08	2354801024304	Lê Thị Thu	Hằng	10/08/2008	7.9	7.7	7.5	6.2	4.5	6.6	8.7	6.0	7.0	Khá
09	2354801024305	Thái Thiện	Hiếu	07/02/2007	5.5	5.7	5.8	6.3	4.0	5.1	7.6	3.0	5.4	Trung bình
10	2354801024306	Huỳnh Hồng	Hưng	22/08/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
11	2354801024307	Dương Hoàng	Khang	15/02/2008	6.8	6.7	6.3	5.9	6.3	6.5	9.6	6.3	6.8	Trung bình
12	2354801024308	Nguyễn Văn	Khang	27/07/2008	6.0	5.7	6.3	6.5	5.7	6.2	8.5	5.8	6.3	Trung bình
13	2354801024309	Phạm Quốc	Khanh	13/06/2008	0.0	0.0	0.0	2.2	0.0	0.7	0.0	0.0	0.3	Yếu
14	2354801024310	Thái Tấn	Lộc	05/08/2008	8.3	6.4	6.8	4.9	4.6	5.4	6.9	6.0	6.2	Trung bình
15	2354801024311	Trần Văn	Lượng	18/05/2008	9.0	8.0	7.4	5.7	5.4	5.0	8.5	5.3	6.9	Trung bình
16	2354801024312	Phạm Thiện	Nghiêm	12/10/2008	6.5	3.9	6.3	5.6	3.8	5.8	7.5	2.8	5.2	Trung bình
17	2354801024313	Nguyễn Thanh	Nhã	16/05/2008	7.9	6.3	6.6	5.3	5.2	7.0	5.9	5.9	6.3	Trung bình
18	2354801024314	Nguyễn Trần Đức	Phát	16/11/2008	0.9	5.0	5.4	2.4	0.0	6.1	7.1	5.1	4.2	Yếu
19	2354801024315	Nguyễn Văn	Quân	06/10/2008	5.8	5.5	5.6	6.5	4.1	5.2	8.4	6.2	5.9	Trung bình
20	2354801024316	Đặng Sỹ	Tâm	29/01/2008	7.0	3.8	8.4	5.3	3.6	5.1	8.5	4.0	5.7	Trung bình
21	2354801024317	Huỳnh Minh	Thái	27/07/2008	5.9	5.8	6.9	5.5	3.4	2.5	6.9	2.9	5.2	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Tin học văn phòng(3)	Kỹ năng mềm(2)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	An toàn vệ sinh công nghiệp(2)	Kỹ thuật đo lường(2)	Kiến trúc máy tính(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2354801024318	Phạm Văn	Thái	15/04/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
23	2354801024319	Trần Triều	Thái	07/10/2008	6.0	6.2	7.4	5.8	4.4	4.0	6.4	6.2	5.9	Trung bình
24	2354801024320	Lâm Vĩnh	Thành	25/05/2008	7.3	6.1	7.4	5.5	4.5	5.7	8.5	7.1	6.5	Trung bình
25	2354801024321	Nguyễn Long	Thành	01/11/2007	7.4	5.3	6.2	5.6	5.0	6.1	7.6	5.1	6.0	Trung bình
26	2354801024322	Nguyễn Văn	Thành	21/10/2008	7.9	7.0	7.7	6.9	6.8	6.7	9.3	6.3	7.3	Khá
27	2354801024323	Võ Đức	Thành	21/04/2008	6.1	1.0	5.7	5.2	0.0	4.7	7.0	5.2	4.1	Yếu
28	2354801024324	Lê Trí	Thiện	09/10/2008	2.0	5.0	5.3	2.2	0.0	5.4	7.0	5.1	4.2	Yếu
29	2354801024325	Trần Thanh	Thiện	22/03/2008	8.6	8.4	7.7	6.0	7.1	7.2	8.4	6.0	7.5	Khá
30	2354801024326	Phan Minh	Thuận	25/10/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
31	2354801024327	Nguyễn Quốc	Tiến	20/10/2008	7.1	5.8	7.4	5.2	0.0	4.1	8.4	2.6	5.3	Trung bình
32	2354801024328	Trần Nhật	Tiến	08/06/2008	7.8	8.3	6.2	5.5	7.9	4.9	8.4	7.3	7.1	Khá
33	2354801024329	Trần Công	Tuyên	05/01/2008	0.0	0.0	0.0	2.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.2	Yếu
34	2354801024330	Châu Phúc	Vinh	14/07/2008	8.9	7.2	8.0	5.2	5.6	5.8	8.6	4.4	6.8	Trung bình
35	2354801024331	Đỗ Mai Quang	Vinh	12/08/2008	7.9	6.2	8.0	5.3	5.2	5.2	8.1	5.8	6.5	Trung bình

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái